TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST
Ngày: 16/10/2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dung

2. Bà Phan Thị Thiện

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Xuân Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, tòa án nhân dân huyện Cư Kuin mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-DS ngày 19/9/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H' R Niê, sinh năm 1969

Địa chỉ: Buôn M, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Công H, sinh năm 1986

Địa chỉ: 79 A, phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Y B Kpơr, sinh năm 1963 và bà H L Byă, sinh năm 1962

Địa chỉ: Buôn K, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Công H trình bày:**

Ông Y B Kpơr và bà H L Byă là vợ chồng có quan hệ họ hàng với chồng của nguyên đơn là ông Y Đ Kpơr (tên thường gọi là Ma H, đã chết) nên nguyên đơn có

quen biết với vợ, chồng bị đơn.

Ngày 26/11/2015 ông Y B Kpơr và bà H L Byă có đến nhà nguyên đơn là bà H' R Niê vay số tiền là 100.000.000 đồng, mục đích vay bị đơn xác định để trả nợ tiền vay ngân hang. Khi vay hai bên có thỏa thuận miệng với nhau là sau khi bị đơn trả nợ ngân hàng xong sẽ vay lại để trả tiền lại cho nguyên đơn, còn lãi suất thì vợ chồng bị đơn trả bao nhiêu nguyên đơn nhận bấy nhiêu, không tính lãi suất cụ thể. Vì trước đó vợ chồng bị đơn có vay tiền của nguyên đơn để đảo nợ ngân hàng nên nguyên đơn tin tưởng và tiếp tục cho bị đơn vay số tiền này.

Khi vay giữa nguyên đơn và bị đơn có lập "giấy vay tiền" đề ngày 26/11/2015. Giấy vay tiền này do ông Y K Ly Niê viết. Sau khi nguyên đơn giao đủ số tiền 100.000.000 đồng cho bị đơn thì vợ chồng bị đơn ký xác nhận bên dưới có sự chứng kiến của ông Y K Ly, là người do vợ chồng bị đơn dẫn đến, nguyên đơn không có quen biết với người này nên không biết hiện ông Y K Ly đang sống, làm việc ở đâu. Người có tên là "Aê Chut" là tên thường gọi của ông Y B Kpơr và "Ad chut" là tên thường gọi của bà H L Byă. Người có tên là "Ami T" là tên thường gọi của bà H' R Niê.

Khi vay tiền, vợ chồng bị đơn có giao cho nguyên đơn giữ 01 sổ hộ khẩu bản chính của hộ ông Y B Kpơr và 01 giấy chứng minh nhân dân bản chính của bà H L Byă để làm tin và hiện nay nguyên đơn vẫn đang giữ những giấy tờ này. Sau khi trả xong nợ cho ngân hàng đến nay bị đơn không trả khoản tiền nợ nào cho nguyên đơn, mặt dù nguyên đơn đã gặp trực tiếp yêu cầu và có thông báo thời hạn bằng văn bản ngày 22/12/2017 gửi cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không trả.

Nay đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), không yêu trả lãi suất đối với số tiền này.

*** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Y B Kpơr, và bà H L Byă trình bày:**

Ngày 26/11/2015, ông Y K Ly Niê dẫn vợ chồng bị đơn đến nhà bà H' R vay số tiền là 100.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, lãi suất và thời hạn trả nợ thì bà H R không nói gì. Khi vay, ông Y K Ly Niê có lập "giấy vay tiền" đề ngày 26/11/2015 sau đó vợ chồng bị đơn ký xác nhận bên dưới mà hiện nay nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện.

Sau khi ông Y B Kpơr và bà H L Byă ký vào giấy vay mượn tiền thì bà H' R không đưa khoản tiền nào cho bị đơn, còn có đưa tiền cho ông Y K Ly hay không thì bị đơn không biết, nhưng cũng trong ngày hôm đó, bị đơn cùng ông Y K Ly đến ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện Cư Kuin để trả số tiền 100.000.000 đồng cho ngân hàng. Ông Y K Ly là người trả tiền cho Ngân hàng thay cho bị đơn, nhưng bị đơn là người ký các thủ tục trả. Sau khi trả xong thì hôm sau ngân hàng trả lại tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bị đơn và hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này bị đơn đang cất giữ tại nhà. Hiện nay ông Y K Ly làm gì, ở đâu bị đơn không biết.

Khi ký vay tiền vợ chồng bị đơn có đưa cho bà H' R giữ 01 sổ hộ khẩu gia đình bản chính và 01 chứng minh nhân dân bản chính của bà H L Byă để giữ làm

tin. Hiện bà H' R vẫn đang giữ những giấy tờ này của bị đơn. Sau khi trả nợ ngân hàng xong thì bà H' R có yêu cầu vợ chồng bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả vì thực tế bà H' R không đưa tiền cho bị đơn như nội dung trong giấy vay tiền thể hiện.

Nay bà H' R khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn trả số tiền 100.000.000 đồng, bị đơn không đồng ý, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Gia đình bị đơn trước đây là hộ nghèo của địa phương nhưng hiện nay không còn hộ nghèo hay cận nghèo nữa.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu:

Thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vấn đề thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, 98, 100, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 170 đến Điều 175, Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bị đơn xác nhận chữ ký bên vay tiền trong "Giấy vay tiền" đề ngày 26/11/2015 là của bị đơn; bị đơn thừa nhận sau khi rời khỏi nhà nguyên đơn thì trong ngày có trả nợ Ngân hàng với số tiền 100.000.000 đồng là phù hợp với trình bày của nguyên đơn về mục đích vay tiền là để trả nợ ngân hàng. Việc bị đơn cho rằng thực tế nguyên đơn không giao cho bị đơn số tiền 100.000.000 đồng như nội dung giấy vay tiền nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chưng minh nên không có căn cứ xem xét. Quá trình vay tiền hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, tuy nhiên sau khi vay tiền thì bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền gốc và lãi nào là vi phạm sự thỏa thuận, ảnh hướng đến quyền lợi của nguyên đơn, mặt dù nguyên đơn đã thông báo về việc trả nợ bằng văn bản ngày 22/12/2017 cho bị đơn, do đó áp dụng Điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 26/11/2015 giữa nguyên đơn và bị đơn thực hiện việc vay số tiền 100.000.000 đồng và hai bên có lập "giấy vay tiền" viết tay. Xét quan hệ pháp luật dân sự về việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên nguyên đơn cho rằng bị đơn không trả nợ đúng thời hạn theo thoả thuận đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền khởi kiện theo quy định về quyền khởi kiện tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại buôn K, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo giấy vay tiền mà nguyên đơn dùng để làm căn cứ khởi kiện bị đơn (bút lục số 31) và lời khai của các đương sự thì năm 2015 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận là nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 26/11/2015, với lãi suất theo thỏa thuận hai bên, mục đích vay là để trả nợ tiền vay Ngân hàng, thời hạn trả nợ là sau khi trả nợ vay cho Ngân hàng xong. Sau khi trả nợ cho Ngân hàng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền đã vay cả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn là vi phạm sự thỏa thuận giữa hai bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 412 Bộ luật dân sự năm 2005, vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 471; 474 Bộ luật dân sự năm 2005, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ông Y B Kpơr và bà H L Byă thừa nhận vào năm 2015 có ký giấy vay tiền của bà H' R Niê số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ vay ngân hàng, lãi suất và thời hạn trả nợ thì bà H’ R không nói gì. Khi vay, ông Y K Ly Niê là người chứng kiến có lập “giấy vay tiền” đề ngày 26/11/2015 sau đó vợ chồng bị đơn ký xác nhận bên dưới. Nhưng bị đơn cho rằng sau khi ký vào giấy vay mượn tiền xong thì bà H’ R không đưa khoản tiền nào nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh, HĐXX xét thấy là không có cơ sở vì khi vay tiền thì người vay tiền nhận và kiểm tra đủ tiền rồi mới ký xác nhận nợ. Mặt khác bị đơn xác định trong ngày ký vay tiền bị đơn cũng đã thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng và lấy lại tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đủ cơ sở khẳng định nguyên đơn đã giao đủ số tiền 100.000.000 đồng cho bị đơn. Bị đơn không có yêu cầu gì về nội dung tranh chấp đối với nguyên đơn. Về phía nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày của bị đơn nên HĐXX không có căn cứ để xem xét giải quyết. Các bị đơn cũng thừa nhận người ký ở phần "bên vay tiền" trong giấy vay tiền ngày 26/11/2015 là do bị đơn ký. Do đó căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, HĐXX cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Buộc

bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay 100.000.000 đồng. Đối với lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra các đương sự thừa nhận khi thực hiện việc vay tiền bị đơn có giao cho bà H' R giữ 01 sổ hộ khẩu gia đình bản chính và 01 chứng minh nhân dân bản chính của bà H' L Byă để giữ làm tin khi vay tiền, hiện tại nguyên đơn vẫn đang giữ những giấy tờ này. Xét thấy việc giao nhận các giấy tờ này là không đúng quy định của pháp luật về tín chấp, thế chấp, cầm cố tại các Điều 326, 343, 372 và 715,717,719,721 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó không thể ràng buộc bị đơn phải trả xong số tiền 100.000.000 đồng cho nguyên đơn thì nguyên đơn mới có nghĩa vụ trả lại các giấy tờ nói trên cho bị đơn, mà cần buộc nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn các giấy tờ này.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều khẳng định nội dung người có tên là "A chut" là tên thường gọi của ông Y B Kpơr và "Ad chut" là tên thường gọi của bà H' L Byă. Người có tên là "Ami T" là tên thường gọi của bà H' R Niê, xét thấy là phù hợp. Ông Y K Ly Niê là người làm chứng, có địa chỉ tại buôn J, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nhưng Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương xã K xác định ông Y K Ly Niê đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2017, khi đi không khai báo nên địa phương không biết địa chỉ nơi đến của ông Y K Ly, nguyên đơn và bị đơn cũng không cung cấp được địa chỉ của ông Y K Ly hiện nay ở đâu nên không có cơ sở để đưa vào tham gia tố tụng.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 47, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, được xác định như sau: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng. Nhưng bị đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết này.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 203, 220, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 159, 427, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H' R Niê.

Buộc ông Y B Kpơr và bà H L Byă có nghĩa vụ trả cho bà H' R Niê số tiền 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà H' R Niê có nghĩa vụ trả lại cho ông Y B Kpơr và bà H L Byă 01 sổ hộ khẩu bản chính số 160056801 do Công an xã B cấp ngày 20/7/2009 đứng tên chủ hộ ông Y B Kpơr và 01 chứng minh nhân dân bản chính số 240130772 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/4/2014 của bà H’ L Byă.

2. Về án phí:

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Y B Kpơr và bà H L Byă.

Bà H' R Niê được nhận lại 3.125.000 đồng *(ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0007113 ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

VĂN CÔNG CƯỜNG